

Số: 93/2022/QĐST- HNGĐ

Cao B, ngày 26 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số **62/2022/TLST-HNGĐ** ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Hoàng Quang T** – Sinh năm 1986

Nơi cư trú: Tổ 03, phường Hợp G, thành phố Cao B, tỉnh Cao B.

- *Bị đơn:* **Nông Thị Thu T** – Sinh năm 1990

Nơi cư trú: Tổ 02, phường Sông B, thành phố Cao B, tỉnh Cao B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2022 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

**Ông Hoàng Quang T** – Sinh năm 1986

Nơi cư trú: Tổ 03, phường Hợp G, thành phố Cao B, tỉnh Cao B.

**Và Bà Nông Thị Thu T** – Sinh năm 1990

Nơi cư trú: Tổ 02, phường Sông B, thành phố Cao B, tỉnh Cao B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Hoàng Quang T và bà Nông Thị Thu T.

- **Về con chung:** Hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận giao con chung tên: Hoàng Yến N, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2008 (Giới tính: Nữ) và Hoàng Hoài A, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2015 (Giới tính: Nữ) cho ông Hoàng Quang T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đương sự thống nhất không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về tài sản chung:** Hai bên đương sự xác nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Hai bên đương sự xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Ông Hoàng Quang T và bà Nông Thị Thu T mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) án phí dân sự về việc thuận tình ly hôn. Ông T tự nguyện nộp thay cho bà T T bộ tiền án phí. Tổng cộng ông T phải nộp 150.000,đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số: 0003184 ngày 05/5/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cao B, Cao B. ông T đã nộp đủ số tiền án phí và được hoàn lại số tiền 150.000,đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh Cao B;
- VKSND TP. Cao B;
- CC THADS TP. Cao B;
- UBND phường Hợp G;
- Đương sự;
- Lưu án văn
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN**

**Đã ký**

**Nguyễn Thị Hanh**